

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22 - 52

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 59.911.238.000 đồng, tương đương với 5.991.123,80 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHBQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 9 tháng 8 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 3,22% và 1,71% so với ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 62.883.629.380 VNĐ
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 5.991.123,80 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

<i>Cơ cấu tài sản quỹ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (%)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)</i>
Danh mục trái phiếu	41,60	36,59
Tài sản khác	58,40	63,41
Cộng	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	62.883.629.380	60.285.492.960
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	5.991.123,80	5.928.380,55
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	10.496,13	10.168,96
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.496,13	10.169,40
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.170,93	9.997,36
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	3,22	1,69
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	0,18	-0,21
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	3,04	1,90
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,63	2,20
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	6,56	111,49

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
6 tháng (từ 1/1/2020 đến 30/6/2020)	3,22	1,71
1 năm (từ 30/6/2019 đến 30/6/2020)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	4,96	3,48
Từ khi thành lập (bình quân năm)	Không áp dụng	Không áp dụng

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Những phản ứng nhanh chóng của Chính phủ và sự ủng hộ hoàn toàn của người dân trong việc ngăn chặn đại dịch COVID-19 ("C-19") đã đưa Việt Nam trở thành điển hình trong không chế thành công đại dịch C-19. Tuy nhiên, tác động của việc ngăn chặn đại dịch C-19 đối với nền kinh tế là chưa từng có. Một số điểm đáng chú ý như sau:

- ▶ Tăng trưởng GDP giảm từ mức tăng 3,7% trong Quý 1 xuống 0,4% trong Quý 2/2020, mức tăng trưởng của 6 tháng đầu năm đạt 1,8% so với cùng kỳ, mức thấp nhất trong vòng 30 năm với ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề nhất, chỉ tăng 0,6% so với cùng kỳ cho sáu tháng đầu năm 2020 (cùng kỳ năm 2019: +6,7%). Các ngành sản xuất & chế biến và xây dựng bị ảnh hưởng ít hơn, vẫn ghi nhận sự tăng trưởng lần lượt ở mức 5,0% và 4,5% so với cùng kỳ. Ngành nông, lâm & ngư nghiệp tăng 1,2% trong sáu tháng đầu năm 2020, đóng góp 11,9% vào tăng trưởng GDP trong cùng giai đoạn (cùng kỳ năm 2019 đóng góp 6,0%).
- ▶ Tỷ lệ thất nghiệp trong cả nước tăng từ mức 2,2% trong Quý 1 lên 2,7% trong Quý 2/2020.
- ▶ Tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 122,8 tỷ USD (+0,2% yoy). Tổng kim ngạch nhập khẩu giảm 2,9% so với cùng kỳ trong sáu tháng đầu năm 2020 xuống còn 117,3 tỷ USD với nhiều mặt hàng nhập khẩu tăng chậm hoặc giảm, phù hợp với tình hình xuất khẩu. Do kim ngạch xuất khẩu giảm ít hơn, cán cân thương mại đã tăng gần gấp 3 lần so với sáu tháng đầu năm 2019 lên 5,5 tỷ USD trong sáu tháng đầu năm 2020, trong đó thặng dư thương mại với Mỹ tăng 18,9% lên 24,5 tỷ USD và thâm hụt thương mại với Trung Quốc giảm 19,6% xuống còn 15,3 tỷ USD.
- ▶ Trong sáu tháng đầu năm 2020, vốn FDI cấp phép mới vẫn được duy trì, đạt 12,2 tỷ USD, (+17,5% yoy). Lượng vốn FDI giải ngân đạt 8,7 tỷ USD cho sáu tháng đầu năm 2020 (-4,9% yoy), tuy nhiên đã cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm 2019 kể từ tháng 4, sau khi lượng vốn giải ngân sụt giảm đến 9,6% so với cùng kỳ cho giai đoạn bốn tháng đầu năm 2020.
- ▶ Lạm phát hạ nhiệt dần, với CPI giảm từ mức tăng 5,6% so với cùng kỳ trong Quý 1 xuống 2,8% trong Quý 2. Mặc dù CPI trung bình sáu tháng đầu năm 2020 vẫn tăng 4,2%, cao hơn mục tiêu cả năm 4,0% của Chính phủ, CPI tháng 6 đã giảm 0,6% so với tháng 12/2019.
- ▶ Tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng ở mức 3,3% so với cùng kỳ trong sáu tháng đầu năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức 6,2% của cùng kỳ năm 2019, mặc cho mặt bằng lãi suất giảm và các biện pháp hỗ trợ tín dụng. VND tăng so với USD trong Quý 2 giúp tỷ giá VND/USD chỉ giảm 0,3% kể từ đầu năm. Thanh khoản ngân hàng dồi dào và dự trữ ngoại hối ở mức cao nên không có áp lực rõ ràng nào lên tỷ giá ở giai đoạn hiện tại.
- ▶ Thặng dư ngân sách 33,2 nghìn tỷ đồng của Quý 1/2020 đã chuyển thành thâm hụt ngân sách 69,1 nghìn tỷ đồng trong sáu tháng đầu năm 2020 do các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ để hỗ trợ nền kinh tế, tuy nhiên vẫn nằm trong mức thâm hụt kế hoạch 233 nghìn tỷ đồng cho cả năm. Bộ Tài chính cũng ước tính thâm hụt ngân sách cả năm có thể tăng lên 330 nghìn tỷ đồng.

2. Thị trường trái phiếu

2.1 Trái phiếu Chính phủ

Trong nửa đầu năm 2020, Kho bạc Nhà nước Việt Nam đã phát hành 86 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, chỉ bằng 80% khối lượng phát hành trong nửa đầu năm 2019, và hoàn thành 66% kế hoạch phát hành của nửa đầu năm. Thị trường sơ cấp gần như đóng băng trong tháng 4 năm 2020, chỉ 3 nghìn tỷ đồng trái phiếu được phát hành, chủ yếu bởi tâm lý lo ngại về suy thoái kinh tế và chính sách giãn cách xã hội. Tuy nhiên, trong những tháng sau đó, khi lo ngại giảm bớt và thanh khoản hệ thống ngân hàng quá dồi dào, nhu cầu phát hành trái phiếu Chính phủ tăng mạnh, đặc biệt trong tháng 6/2020, với 78% kế hoạch phát hành trái phiếu của Quý được thực hiện. Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm và 15 năm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trên thị trường sơ cấp với gần 90% lượng trái phiếu được phát hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

2.1 Trái phiếu Chính phủ (tiếp theo)

Trong hai tháng đầu năm 2020, nhu cầu đầu tư trái phiếu Chính phủ tiếp tục tăng mạnh do thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào cộng thêm lượng lớn trái phiếu Chính phủ, 47,7 nghìn tỷ đồng đáo hạn trong Quý 1/2020. Theo đó, lượng đăng ký cao so với khối lượng gọi thầu đã tạo áp lực lớn lên lợi tức trái phiếu trúng thầu ở mọi kỳ hạn giai đoạn này. Tuy nhiên, trong bối cảnh đại dịch ngày càng lan rộng và gây ra các hậu quả nghiêm trọng trên toàn cầu, báo hiệu suy thoái kinh tế và tạo áp lực lên tỷ giá giữa VND và đô la Mỹ, lợi tức trái phiếu quay đầu tăng mạnh trong tháng 3 và nửa đầu tháng 4/2020. Lợi tức chạm đỉnh vào giữa tháng 4, tăng khoảng 100bps đối với trái phiếu kỳ hạn 10-15 năm và tăng khoảng 120 bps đối với trái phiếu kỳ hạn ngắn. Tuy nhiên, sau đó, Việt Nam đã kiểm soát tốt tình hình lây lan của vi rút đồng thời Ngân Hàng Trung Ương của hầu hết các quốc gia đẩy mạnh việc cung cấp thanh khoản cho thị trường đã giảm bớt lo ngại của các nhà đầu tư và giảm đáng kể căng thẳng tỷ giá Đô La Mỹ so với các đồng tiền khác. Việc giải ngân tín dụng gặp nhiều khó khăn và hơn 160 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ và Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước đáo hạn vào Quý 2/2020 đẩy thanh khoản hệ thống ngân hàng tăng cao khiến cầu trái phiếu tăng mạnh và lợi tức trái phiếu giảm ở tất cả kỳ hạn. Đến cuối tháng 6/2020, lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10-15 năm giảm 20bps tính từ đỉnh gần nhất và duy trì ở mức 3,0% đến 3,15%. Trái phiếu kỳ hạn ngắn giảm mạnh hơn, khoảng 90bps đối với kỳ hạn 5 năm và 150bps đối với kỳ hạn 3 năm so với đỉnh gần nhất.

2.2 Trái phiếu Doanh nghiệp

Trong nửa đầu năm 2020, 156,3 nghìn tỷ đồng được phát hành, chiếm khoảng 69% lượng đăng ký phát hành. 75% khối lượng phát hành được thực hiện trong Quý 2. Sau Quý 1 trầm lắng, các ngân hàng quay trở lại thị trường trái phiếu và huy động hơn 47 nghìn tỷ đồng chiếm khoảng 40% khối lượng trái phiếu phát hành trong Quý 2 và 30% khối lượng phát hành trong nửa đầu năm. Các công ty bất động sản tiếp tục đóng vai trò là những đơn vị phát hành lớn nhất với khối lượng 80,2 nghìn tỷ, chiếm khoảng 51% lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong nửa đầu năm. Lãi suất trái phiếu tổ chức tín dụng có xu hướng giảm, trong khi lãi suất trái phiếu doanh nghiệp bất động sản và các ngành khác có xu hướng ổn định.

3. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán có những đợt biến động mạnh trong sáu tháng đầu năm 2020. Sau khi giảm tới 31,1% trong Quý 1, đặc biệt là lao dốc tới 25,1% chỉ trong tháng 3 do lo ngại về sự bùng phát của đại dịch C-19 trên toàn cầu, chỉ số VNI bật tăng trở lại trong Quý 2/2020 với mức tăng 24,5%. Cũng giống như đợt sụt giảm mạnh trong Quý 1, đợt phục hồi trong Quý 2 cũng diễn ra trên diện rộng ở tất cả các ngành. VNI đã đóng cửa Quý 2 ở mức 826,1 điểm, thấp hơn 14,1% so với mức đầu năm 2020. Trong sáu tháng đầu năm 2020, các cổ phiếu vốn hóa lớn giảm mạnh hơn nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ khi chỉ số VN30 giảm 12,4% trong khi VN70 và VNSmallCap chỉ giảm tương ứng 7,4% và 6,0%. Biến động mạnh của thị trường trong sáu tháng đầu năm 2020 có thể được lý giải bởi: (1) Diễn biến phức tạp của đại dịch C-19 trên toàn cầu; (2) Thị trường chứng khoán toàn cầu, đặc biệt là thị trường chứng khoán Mỹ cũng biến động mạnh do tác động của C-19 và các gói hỗ trợ kinh tế khổng lồ của chính phủ; (3) Thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, thể hiện qua mức lãi suất liên ngân hàng thấp kỷ lục; (4) Lực bán mạnh của nhà đầu tư ngoại và sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư cá nhân; và (5) Thành công của chính phủ trong việc ngăn chặn đại dịch C-19 tại Việt Nam và những tín hiệu sớm về sự phục hồi kinh tế.

So với các thị trường khác trong khu vực trong nửa đầu năm, chỉ số VNI giảm ít hơn so với chỉ số JCI của Indonesia (-21,9%), PCOMP của Philippines (-19,8%) và SET của Thái Lan (-16,1%) trong khi tụt lại phía sau so với SHCOMP của Trung Quốc (-2,2%) và FBMKLCI của Malaysia (-5,5%). Trong cùng khoảng thời gian, Chỉ số thị trường mới nổi MSCI Emerging Market và chỉ số thị trường cận biên MSCI Frontier Market giảm lần lượt 10,7% và 22,6%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỶ (tiếp theo)

3. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Trong nửa đầu năm, giá trị giao dịch trung bình ngày tăng 22,0% so với cùng kỳ và đạt mức xấp xỉ 250 triệu USD/ngày. Sự gia tăng thanh khoản chủ yếu được dẫn dắt bởi các nhà đầu tư cá nhân, vốn đóng góp gần 84% vào tổng giá trị giao dịch trong kỳ.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 240,7 triệu USD trong Quý 2 và đã bán ròng một lượng nhỏ khoảng 187,0 triệu USD trong sáu tháng đầu năm. Tuy nhiên, nếu loại trừ giao dịch thỏa thuận tại Vinhomes (HSX: VHM) trị giá khoảng 650 triệu USD, khối ngoại đã bán ròng tổng cộng 409,3 triệu USD trong Quý 2 và 837,0 triệu USD trong sáu tháng đầu năm.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	Không áp dụng
Tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	4,96
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	62.883.629.380	60.285.492.960	4,31
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	10.496,13	10.168,96	3,22

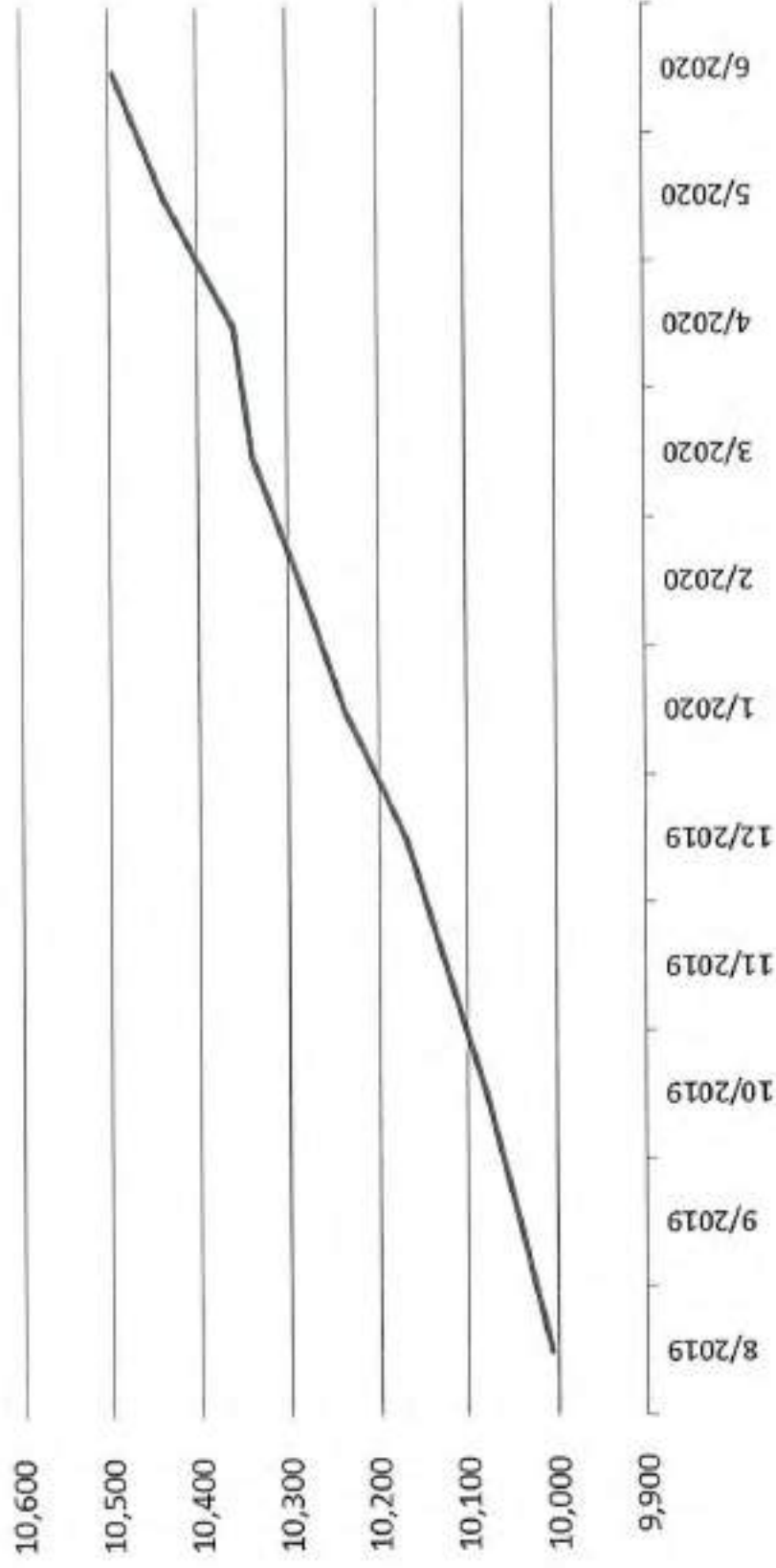
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	198	295.909,44	4,94
Từ 5.000 đến 10.000	15	110.020,62	1,84
Từ 10.000 đến 50.000	16	408.252,47	6,81
Từ 50.000 đến 500.000	2	176.941,27	2,95
Trên 500.000	1	5.000.000,00	83,46
Tổng cộng	232	5.991.123,80	100,00

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Quý 2/2020 đã kết thúc với nhiều bất ngờ chưa từng có tiền lệ. Đáng chú ý, thị trường chứng khoán đã bùng nổ mặc dù đại dịch C-19 đã làm hoạt động kinh tế đình trệ một cách đột ngột và đồng thời ở nhiều quốc gia. Khi các nền kinh tế bắt đầu mở cửa trở lại, các câu hỏi đặt ra là kinh tế thế giới sẽ phục hồi như thế nào và quan trọng hơn cả, đối với các nhà đầu tư, thị trường chứng khoán sẽ diễn biến ra sao.

Đối với câu hỏi đầu tiên, mặc dù chúng tôi lạc quan về triển vọng phục hồi của Việt Nam, có thể theo mô hình phục hồi chữ V như đã và đang xảy ra tại Trung Quốc, chúng tôi vẫn thận trọng. Đến nửa cuối tháng 7, số ca nhiễm mới vẫn đang tăng mạnh ở các trung tâm dịch như Hoa Kỳ, Nga, Ấn Độ và Mỹ Latinh. Do đó, các quốc gia có khả năng kiểm soát đại dịch tốt hơn, đặc biệt là ở châu Âu và một số nước châu Á, cũng không thể nói lỏng quá mức các biện pháp phòng ngừa. Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với sự gián đoạn, trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua nền kinh tế toàn cầu. Điều này sẽ chỉ thay đổi một khi vắc-xin hoặc các phương pháp điều trị hiệu quả được phổ biến rộng rãi (hoặc may mắn hơn, virus dần biến mất một cách tự nhiên). Cho đến lúc đó, sự phục hồi kinh tế sẽ diễn ra một cách khó khăn, do các hình thức phong tỏa/giãn cách xã hội vẫn sẽ được áp dụng với nhiều mức độ khác nhau trên toàn thế giới. Điều này sẽ mất thời gian. Nếu đại dịch kéo dài, giải thể và phá sản sẽ trở nên phổ biến hơn, thất nghiệp sẽ tăng trở lại và niềm tin của người tiêu dùng sẽ suy giảm trở lại.

Đối với thị trường chứng khoán, sự phục hồi hình chữ V trong Quý 2 vừa qua đã được hỗ trợ chủ yếu bởi thanh khoản dồi dào từ các Ngân hàng Trung ương và các gói hỗ trợ của Chính phủ. Ngoài ra, các nhà đầu tư cá nhân, ví dụ như tại Việt Nam đã là lực lượng chính thúc đẩy thị trường giai đoạn vừa qua, trái ngược với đã bán rộng của khối ngoại. Trạng thái lạc quan này đã khiến định giá thị trường tăng lên khi các nhà đầu tư có xu hướng bỏ qua năm 2020 và sẵn sàng trả giá cao hơn cho mức lợi nhuận doanh nghiệp từ năm 2021 trở đi. Tại thị trường Việt Nam, P/E dự phóng năm 2020 của VNI vào cuối tháng 6 năm 2020 là 14,7 lần và của năm 2021 là 11,6 lần, dựa trên dự phóng lợi nhuận toàn thị trường giảm 7,1% trong năm 2020 và tăng mạnh 26,4% vào năm 2021, theo Bloomberg. Trong quá khứ, chỉ số VNI được giao dịch ở mức trung bình 13,5 lần P/E kể từ khi thành lập. Với lập trường thận trọng về triển vọng kinh tế, chúng tôi ít lạc quan hơn về sự phục hồi lợi nhuận doanh nghiệp mạnh mẽ và trên diện rộng vào năm 2021. Chúng tôi tin rằng trong vài quý tới, định giá thị trường sẽ cần điều chỉnh để phản ánh chính xác hơn về triển vọng thu nhập của doanh nghiệp niêm yết.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Tuy nhiên, sự thận trọng ngắn hạn của chúng tôi không ảnh hưởng đến quan điểm lạc quan về kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn. Thực tế, quan điểm dài hạn của chúng tôi đã được củng cố bởi ít nhất ba động lực. Thứ nhất và nổi bật nhất là việc dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc. Điều này đã diễn ra trước đây do nhu cầu tìm kiếm một địa điểm sản xuất với chi phí thấp hơn, sau đó là căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, nhưng chắc chắn sẽ tăng tốc hơn nữa do nhu cầu cấp thiết phải đa dạng hóa chuỗi cung ứng sau C-19. Thứ hai, Chính phủ Việt Nam đã nhận thức rất rõ về vai trò của đầu tư cơ sở hạ tầng, cả trong việc hỗ trợ nền kinh tế trong bối cảnh du lịch và xuất khẩu yếu, cũng như giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Điều đó có nghĩa là phải thúc đẩy đầu tư công. Động lực thứ ba đến từ nhiều yếu tố: từ cải cách pháp lý, quản lý kinh tế ổn định đến tiêu chuẩn quản trị công ty ngày càng cao. Đối với thị trường chứng khoán, Chính phủ cũng đã và đang thực hiện những cải cách nhằm loại bỏ những trở ngại trong việc nâng hạng thị trường. Vấn đề giới hạn sở hữu nước ngoài, được coi là trở ngại lớn nhất đối với sự tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giải quyết thông qua bộ ba luật mới: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Các luật này cung cấp hành lang pháp lý cho sản phẩm Chứng chỉ Lưu ký không có quyền biểu quyết và quy định rõ ràng hơn về các ngành nghề bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Chính phủ cũng đang tìm cách để loại bỏ nút thắt về yêu cầu đảm bảo đầy đủ tiền/chứng khoán trước khi giao dịch, một rào cản quan trọng khác đối với các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm cả việc xây dựng hệ thống thanh toán bù trừ mới. Chúng tôi cũng nhấn mạnh thêm về điều kiện nhân khẩu học thuận lợi của Việt Nam với dân số trẻ, thông minh và chăm chỉ. Hơn nữa, tầng lớp quản lý cấp cao hiện đã trẻ hóa và được giáo dục tốt hơn. Tất cả những thuận lợi này đã giải thích cho con số dự báo tăng trưởng GDP năm 2020 và 2021 lần lượt là 2,8% và 8,1%, theo Bloomberg, tốt hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Do đó, chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng những biến động của thị trường, nếu có, trong thời gian tới, do C-19 hoặc bất kỳ lý do nào khác, sẽ tạo ra cơ hội đầu tư tốt để hưởng lợi từ triển vọng sáng sủa của nền kinh tế và thị trường trong 3-5 năm sắp tới.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Báo cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang
Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền
Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61536595/22027438/SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 15 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		2.769.022.656	1.510.656.589
03	1.1 Tiền lãi được nhận	13	2.716.549.464	1.630.863.846
04	1.2 Lỗ bán các khoản đầu tư	14	(28.366.299)	-
05	1.3 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	80.839.491	(120.207.257)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		612.750	3.393.014
11	2.1 Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	15	612.750	3.393.014
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		812.558.454	511.854.747
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	276.917.065	211.207.958
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	101.615.764	54.369.290
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	111.100.000	57.377.419
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	99.000.000	-
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	47.903.226
20.7	3.6 Chi phí hợp, Đại hội Quỹ mở		19.288.240	-
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		72.203.279	85.800.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	66.434.106	55.196.854
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		1.955.851.452	995.408.828
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.955.851.452	995.408.828
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.875.011.961	1.115.616.085
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	5	80.839.491	(120.207.257)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.955.851.452	995.408.828

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	7.012.124.804	6.971.113.637
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		2.383.849.413	297.248.886
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		4.628.275.391	6.673.864.751
120	2. Các khoản đầu tư thuần		54.301.317.850	52.193.433.699
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	54.301.317.850	52.193.433.699
130	3. Các khoản phải thu		1.917.519.553	1.405.599.192
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.917.519.553	1.405.599.192
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	1.917.519.553	1.405.599.192
100	TỔNG TÀI SẢN		63.230.962.207	60.570.146.528
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ	7	8.971.586	11.283.405
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.025.515	44.512
316	3. Chi phí phải trả	8	99.203.279	85.800.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	116.000.000	107.000.000
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	114.911.136	80.525.651
320	6. Phải trả, phải nộp khác		4.221.311	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		347.332.827	284.653.568
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		62.883.629.380	60.285.492.960
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		59.911.238.000	59.283.805.500
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	62.019.443.500	59.739.332.700
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(2.108.205.500)	(455.527.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	11	21.131.100	6.278.632
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	2.951.260.280	995.408.828
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	10.496,13	10.168,96

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	11	5.991.123,80	5.928.380,55

Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở ("NAV") đầu kỳ	60.285.492.960	56.581.817.062
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	1.955.851.452	995.408.828
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	1.955.851.452	995.408.828
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	642.284.968	2.708.267.070
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	2.355.717.847	3.167.299.730
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(1.713.432.879)	(459.032.660)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	62.883.629.380	60.285.492.960



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (%)
I	Trái phiếu			26.301.317.850	41,60
1	Trái phiếu niêm yết			21.301.317.850	33,69
1.1	VIC11814	80.000	100.815,264	8.065.221.120	12,76
1.2	MSN11906	100.000	102.203,452	10.220.345.200	16,16
1.3	VHM11802	30.000	100.525,051	3.015.751.530	4,77
2	Trái phiếu chưa niêm yết			5.000.000.000	7,91
2.1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50.000	100.000,000	5.000.000.000	7,91
II	Các tài sản khác			1.917.519.553	3,03
1	Dự thu lãi trái phiếu			404.273.973	0,64
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			1.450.630.137	2,29
3	Dự thu lãi tiền gửi			62.615.443	0,10
III	Tiền			35.012.124.804	55,37
1	Tiền gửi ngân hàng			12.012.124.804	19,00
1.1	- Tiền gửi thanh toán			2.383.849.413	3,77
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			4.628.275.391	7,32
1.3	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			5.000.000.000	7,91
2	Chứng chỉ tiền gửi			23.000.000.000	36,37
IV	Tổng giá trị danh mục			63.230.962.207	100,00



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		1.955.851.452	995.408.828
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(90.214.901)	206.007.257
03	Trong đó:			
03	(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(80.839.491)	120.207.257
04	Chi phí trích trước		(9.375.410)	85.800.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		1.865.636.551	1.201.416.085
20	Tăng các khoản đầu tư		(2.027.044.660)	(52.313.640.956)
07	Tăng dự thu tiền lãi các khoản đầu tư		(511.920.361)	(1.405.599.192)
11	Giảm phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		(2.311.819)	(19.353.133)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.981.003	44.512
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		9.000.000	96.952.000
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	-
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		34.385.485	80.525.651
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(601.273.801)	(52.359.655.033)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	2.355.717.847	3.167.299.730
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(1.713.432.879)	(459.032.660)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		642.284.968	2.708.267.070
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ		41.011.167	(49.651.387.963)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		6.971.113.637	56.622.501.600
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		6.971.113.637	56.622.501.600
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		6.864.113.637	-
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	6.673.864.751	-
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	190.248.886	-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	107.000.000	56.622.501.600
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		7.012.124.804	6.971.113.637
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		7.012.124.804	6.971.113.637
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		6.896.124.804	6.864.113.637
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	4.628.275.391	6.673.864.751
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	2.267.849.413	190.248.886
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	116.000.000	107.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		41.011.167	(49.651.387.963)



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Võ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Mai Hoa
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 59.911.238.000 đồng, tương đương với 5.991.123,80 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn. Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây mà được phát hành bởi một công ty hoặc nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau:
 - i. tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - ii. ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo yêu cầu của pháp luật liên quan;
 - iii. cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - iv. cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành với các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- c. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d. Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào: (i) trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; (ii) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; (iii) cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch;
- e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- g. Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư:

- a. Vào đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- b. Trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên ngoại trừ điểm (e) chỉ vì các lý do sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c. Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thầu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; hoặc
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các kỳ kế toán năm sau của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Thông tin về giá yết cuối ngày được lấy trên trang web chính thức của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có thông tin về giá yết cuối ngày, giá sử dụng là giá giao dịch bình quân trong ngày, được tính dựa trên thông tin giao dịch công bố trên trang web chính thức của Sở giao dịch chứng khoán. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến Ngày Định Giá; hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường hơn $\pm 10,0\%$ khi so sánh với giá từ hệ thống báo giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên 1 năm; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên 1 năm; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến Ngày Định Giá; hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
9.	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none">- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF.- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trung bình của các báo giá trong trường hợp có ít nhất hai báo giá; hoặc+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc+ Giá mua; hoặc+ Giá trị sổ sách; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc- Giá trị sổ sách; hoặc- Mệnh giá; hoặc- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền} Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bằng phân bổ tiền thu bản chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bằng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

► Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

► Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ tối đa là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của VCBF. Giá dịch vụ quản lý quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng và được miễn áp dụng trong giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B05g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	2.267.849.413	190.248.886
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	116.000.000	107.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VNĐ	4.628.275.391	6.673.864.751
	7.012.124.804	6.971.113.637

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B08g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	
Ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	21.340.685.616	21.301.317.850	93.638.625	(133.006.391)	(39.367.766)
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi (c)	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
	54.340.685.616	54.301.317.850	93.638.625	(133.006.391)	(39.367.766)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	17.285.274.657	17.165.067.400	-	(120.207.257)	(120.207.257)
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	30.028.366.299	30.028.366.299	-	-	-
	52.313.640.956	52.193.433.699	-	(120.207.257)	(120.207.257)
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ					80.839.491

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ

- Trái phiếu do Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm, lãi suất từ 10,00%/năm đến 10,80%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.
- Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành, kỳ hạn 15 tháng, lãi trả 6 tháng/lần cho 2 kỳ đầu tiên và 3 tháng cho kỳ cuối cùng.
- Các chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam), Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành, kỳ hạn từ 1,5 năm đến 2 năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

6. DỰ THU CÓ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	404.273.973	302.578.082
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.450.630.137	1.091.208.219
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	62.615.443	11.812.891
	1.917.519.553	1.405.599.192

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Phải trả cho các Đại lý phân phối	1.204.381	2.199.300
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	7.767.205	9.084.105
	8.971.586	11.283.405

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Phí kiểm toán	72.203.279	85.800.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-
	99.203.279	85.800.000

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Phải trả cho nhà đầu tư về tiền mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	116.000.000	107.000.000

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	46.311.136	45.985.651
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	440.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	-
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	12.100.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	114.911.136	80.525.651

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	5.973.933,27	228.011,08	6.201.944,35
Giá trị ghi theo mệnh giá	59.739.332.700	2.280.110.800	62.019.443.500
Thặng dư vốn	9.784.092	75.607,047	85.391.139
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	59.749.116.792	2.355.717.847	62.104.834.639
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(45.552,72)	(165.267,83)	(210.820,55)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(455.527.200)	(1.652.678.300)	(2.108.205.500)
Thặng dư vốn	(3.505.460)	(60.754.579)	(64.260.039)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(459.032.660)	(1.713.432.879)	(2.172.465.539)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	5.928.380,55	62.743,25	5.991.123,80
Giá trị vốn góp hiện hành	59.290.084.132	642.284.968	59.932.369.100
Lợi nhuận chưa phân phối	995.408.828	1.955.851.452	2.951.260.280
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	60.285.492.960		62.883.629.380
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.168,96		10.496,13

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	2.990.628.046	1.115.616.085
Lỗ chưa thực hiện	(39.367.766)	(120.207.257)
	2.951.260.280	995.408.828

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	1.209.435.632	404.763.043
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.304.205.479	798.857.534
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	201.292.171	413.943.718
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	1.616.182	13.299.551
	2.716.549.464	1.630.863.846

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

14. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quán gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Lãi(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chứng chỉ tiền gửi	<u>7.000.000.000</u>	<u>7.028.366.299</u>	<u>(28.366.299)</u>	-

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	<u>612.750</u>	<u>3.393.014</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên các công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phi giao dịch trên trường (%) (8)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND (4)	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%) (6)=(4)/(5)	
1	Công ty cổ phần chứng khoán MB	Không liên quan	4.085.000.000	4.085.000.000	100,00	0,020
Tổng			4.085.000.000	4.085.000.000	100,00	

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	101.000.000	52.161.290
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	440.000	2.200.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	175.784	8.000
	101.615.784	54.369.290

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	47.419.354
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.221.311	5.000.000
Phí ngân hàng	2.212.795	2.777.500
	66.434.106	55.196.854

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2019	60.265.492.960	5.928.380,55	10.168,96	
Kỳ 1 Tháng 1/2020	60.297.199.707	5.928.380,55	10.170,93	1,97
Kỳ 2 Tháng 1/2020	60.478.426.892	5.934.715,00	10.190,62	19,69
Kỳ 3 Tháng 1/2020	60.541.223.562	5.933.811,10	10.202,75	12,13
Kỳ 4 Tháng 1/2020	60.690.752.640	5.939.633,97	10.217,92	15,17
Kỳ 5 Tháng 1/2020	60.835.705.900	5.945.957,07	10.231,44	13,52
Kỳ cuối Tháng 1/2020	60.881.891.465	5.946.442,82	10.238,37	6,93
Kỳ 1 Tháng 2/2020	60.908.378.277	5.946.442,82	10.242,82	4,45
Kỳ 2 Tháng 2/2020	61.168.496.676	5.963.602,70	10.256,97	14,15
Kỳ 3 Tháng 2/2020	61.387.443.824	5.979.309,42	10.266,64	9,67
Kỳ 4 Tháng 2/2020	61.477.532.889	5.981.224,07	10.278,41	11,77
Kỳ cuối Tháng 2/2020	61.441.386.764	5.973.796,94	10.285,14	6,73
Kỳ 1 Tháng 3/2020	61.475.816.825	5.973.796,94	10.290,91	5,77
Kỳ 2 Tháng 3/2020	61.587.749.403	5.978.957,98	10.300,74	9,83
Kỳ 3 Tháng 3/2020	61.733.979.053	5.989.600,29	10.306,86	6,12
Kỳ 4 Tháng 3/2020	61.894.208.644	5.997.862,51	10.319,37	12,51
Kỳ cuối Tháng 3/2020	61.840.910.982	5.981.381,54	10.338,90	19,53
Kỳ 1 Tháng 4/2020	62.038.539.394	5.993.214,84	10.351,46	12,56
Kỳ 2 Tháng 4/2020	62.189.063.747	5.999.440,39	10.365,81	14,35
Kỳ 3 Tháng 4/2020	62.372.698.501	6.010.931,51	10.376,54	10,73
Kỳ 4 Tháng 4/2020	62.300.775.991	6.013.593,42	10.359,99	(16,55)
Kỳ cuối Tháng 4/2020	62.329.800.661	6.016.517,24	10.359,78	(0,21)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 5/2020	62.396.773.674	6.016.517,24	10.370,91	11,13
Kỳ 2 Tháng 5/2020	62.450.447.783	6.002.212,84	10.404,57	33,66
Kỳ 3 Tháng 5/2020	62.469.414.626	5.998.270,02	10.414,57	10,00
Kỳ 4 Tháng 5/2020	62.444.236.665	5.988.372,13	10.427,58	13,01
Kỳ cuối Tháng 5/2020	62.528.824.232	5.989.860,30	10.439,11	11,53
Kỳ 1 Tháng 6/2020	62.532.320.730	5.989.860,30	10.439,69	0,58
Kỳ 2 Tháng 6/2020	62.558.097.996	5.983.341,36	10.455,37	15,68
Kỳ 3 Tháng 6/2020	62.714.989.436	5.993.087,18	10.464,55	9,18
Kỳ 4 Tháng 6/2020	62.923.581.081	6.009.684,00	10.470,36	5,81
Kỳ cuối Tháng 6/2020	62.883.629.380	5.991.123,80	10.496,13	25,77

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 61.854.232.638

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất:

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất:

33,66
(0,21)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	5.991.123,80	5.928.380,55

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (%)	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,63	2,20
Tốc độ vòng quay danh mục	6,56	111,49

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 21.301.317.850 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 2.130.131.785 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 2.130.131.785 đồng.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B05g-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	7.012.124.804	7.012.124.804	6.971.113.637	6.971.113.637
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	2.383.849.413	2.383.849.413	297.248.886	297.248.886
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4.628.275.391	4.628.275.391	6.673.864.751	6.673.864.751
Các khoản đầu tư thuần	54.301.317.850	54.301.317.850	52.193.433.699	52.193.433.699
- Trái phiếu doanh nghiệp	26.301.317.850	26.301.317.850	22.165.067.400	22.165.067.400
- Chứng chỉ tiền gửi	23.000.000.000	23.000.000.000	30.028.366.299	30.028.366.299
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Các khoản phải thu	1.917.519.553	1.917.519.553	1.405.599.192	1.405.599.192
	63.230.962.207	63.230.962.207	60.570.146.528	60.570.146.528
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ	8.971.586	8.971.586	11.283.405	11.283.405
Chi phí phải trả	99.203.279	99.203.279	85.800.000	85.800.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	116.000.000	116.000.000	107.000.000	107.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	114.911.136	114.911.136	80.525.651	80.525.651
Phải trả, phải nộp khác	4.221.311	4.221.311	-	-
	343.307.312	343.307.312	284.609.056	284.609.056

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại Thuyết minh 3.3.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	276.917.065	211.207.958
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 Năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 Năm 2019 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	46.311.136	45.985.651

b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	47.419.354
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 Năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 Năm 2019 VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,00	83,46	5.000.000,00	84,34
Bên liên quan khác		42.393,02	0,70	19.129,49	0,32
		5.042.393,02	84,16	5.019.129,49	84,66

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng cho giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ giám sát là 11.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được miễn áp dụng trong giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ	Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ
Giá dịch vụ giám sát	111.100.000	57.377.419
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	101.000.000	52.161.290
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	440.000	2.200.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	-
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	1.616.182	13.299.551
Phí ngân hàng	2.209.350	2.777.500

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B06g-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 Năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 Năm 2019 VNĐ
Tiền gửi thanh toán	2.383.849.413	297.248.886
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	12.100.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	440.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	-

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020